|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN VĨNH BẢO  **TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**Biểu 3.1**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023-2024**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Chia theo khối lớp** | | | |
| **Lớp 6** | **Lớp 7** | **Lớp 8** | **Lớp 9** |
| **I** | Điều kiện tuyển sinh | Xét tuyển theo quy định | Học bạ lớp 6 được lên lớp 7 | Học bạ lớp 7 được lên lớp 8 | Học bạ lớp 8 được lên lớp 9 |
| **II** | Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ | Chương trình GDPT 2018 theo CV 5512 BGDĐT | Chương trình GDPT 2018 theo CV 5512 BGDĐT | Chương trình GDPT 2018 theo CV 5512 BGDĐT | Chương trình GDPT theo công văn 4612/BGDĐT BGDĐT |
| **III** | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. | Họp cha mẹ học sinh toàn trường 3 lần/năm, phối hợp chặt chẽ giữa GVCN, GVBM với cha mẹ học sinh hàng tuần, hàng tháng để cùng giáo dục học sinh. | Họp cha mẹ học sinh toàn trường 3 lần/năm, phối hợp chặt chẽ giữa GVCN, GVBM với cha mẹ học sinh hàng tuần, hàng tháng để cùng giáo dục học sinh. | Họp cha mẹ học sinh toàn trường 3 lần/năm, phối hợp chặt chẽ giữa GVCN, GVBM với cha mẹ học sinh hàng tuần, hàng tháng để cùng giáo dục học sinh. | Họp cha mẹ học sinh toàn trường 3 lần/năm, phối hợp chặt chẽ giữa GVCN, GVBM với cha mẹ học sinh hàng tuần, hàng tháng để cùng giáo dục học sinh. |
| Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh. | Chăm chỉ; tích cực, tự giác; nghiêm túc. | Chăm chỉ; tích cực, tự giác; nghiêm túc. | Chăm chỉ; tích cực, tự giác; nghiêm túc. | Chăm chỉ; tích cực, tự giác; nghiêm túc. |
| **IV** | Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học....) | -Đủ các phòng học, đáp ứng một số phòng phục vụ học tập thiết yếu.  -Thiết bị dạy học đáp ứng cơ bản những yêu cầu tối thiểu. | -Đủ các phòng học, đáp ứng một số phòng phục vụ học tập thiết yếu.  -Thiết bị dạy học đáp ứng cơ bản những yêu cầu tối thiểu. | -Đủ các phòng học, đáp ứng một số phòng phục vụ học tập thiết yếu.  -Thiết bị dạy học đáp ứng cơ bản những yêu cầu tối thiểu. | -Đủ các phòng học, đáp ứng một số phòng phục vụ học tập thiết yếu.  -Thiết bị dạy học đáp ứng cơ bản những yêu cầu tối thiểu. |
| **V** | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục | Hoạt động đoànthanh niên học sinh, sinh hoạt Đội; phong trào hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp,... | Hoạt động đoàn thanh niên học sinh, sinh hoạt Đội; phong trào hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp,... | Hoạt động đoàn thanh niên học sinh, sinh hoạt Đội; phong trào hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp,... | Hoạt động đoàn thanh niên học sinh, sinh hoạt Đội; phong trào hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp... |
| **VI** | Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục | Đạt chuẩn theo quy định | Đạt chuẩn theo quy định | Đạt chuẩn theo quy định | Đạt chuẩn theo quy định |
| **VII** | Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được | Hạnh kiểm Tốt+Khá trên 90%, học tập Khá +Giỏi trên 80%, học sinh CĐ: dưới 2% | Hạnh kiểm Tốt+Khá trên 90%, học tập Khá +Giỏi trên 80%, học sinh CĐ: dưới 2% | Hạnh kiểm Tốt+Khá trên 90%, học tập Khá +Giỏi trên 80%, học sinh yếu: Dưới 2% | Hạnh kiểm Tốt+Khá trên 90%, học tập Khá +Giỏi trên 80%, học sinh yếu:Dưới 2% |
| **VIII** | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh. | Lên lớp thẳng trên 98%. | Lên lớp thẳng trên 98%. | Lên lớp thẳng trên 98%. | Tốt nghiệp trên 98% |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |
| --- |
| UBND HUYỆN VĨNH BẢO  **TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN** |
|  |

**Biểu 3.2  
 THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024**

| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số** | **Chia ra theo khối lớp** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
| **I.1** | **Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)* | 96 |  |  |  | 96 |
| 1 | Tốt *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 72  ( 75%) |
| 2 | Khá *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 13  (13.54%) |
| 3 | Trung bình  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 11  (11.46%) |
| 4 | Yếu *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 0 |
| **I.2** | **Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)* | 441 | 190 | 123 | 128 |  |
| 1 | Tốt  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  | 124  (65.26%) | 29  (23.58%) | 84  (65.63%) |  |
| 2 | Khá  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  | 43  (22.63%) | 59  (47.97%) | 30  (23.44%) |  |
| 3 | Đạt  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  | 17  (8.95%) | 32  (26.02%) | 12  (9.38%) |  |
| 4 | Chưa đạt  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  | 6  (3,15%) | 3  (2.44%) | 2  (1.56%) |  |
| **II.1** | **Số học sinh chia theo kết quả học tập** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)* |  |  |  |  | 96 |
| 1 | Giỏi *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 53  (55,21%) |
| 2 | Khá*(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 30  (31.25%) |
| 3 | Trung bình *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 13  (13.54%) |
| 4 | Yếu*(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 0 |
| 5 | Kém*(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 0 |
| **II.2** | **Số học sinh chia theo kết quả học tập** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)* | 441 | 190 | 123 | 128 |  |
| 1 | Tốt*(tỷ lệ so với tổng số)* | 217  49.2% | 56  (29.47%) | 77  (62.6%) | 84  (65.63%) |  |
| 2 | Khá*(tỷ lệ so với tổng số)* | 143  32.4% | 88  (46.32%) | 25  (20.33%) | 30  (23.44%) |  |
| 3 | Đạt *(tỷ lệ so với tổng số)* | 62  14,05% | 38  (20%) | 12  (9.76%) | 12  (9.38%) |  |
| 4 | Chưa đạt *(tỷ lệ so với tổng số)* | 19  4.3% | 8  (4,21%) | 9  (7.32%) | 2  (1.56%) |  |
| **III** | **Tổng hợp kết quả cuối năm** |  |  |  |  |  |
| 1 | Lên lớp *(tỷ lệ so với tổng số)* | 433  (98.2%) | 181  96.26% | 113  91.87% | 125  97.66% |  |
| 1.1 | *áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011* |  |  |  |  |  |
| a | Học sinh giỏi*(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 53  55.21 |
| b | Học sinh tiên tiến *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 28  29.17 |
| 1.2 | *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)* |  |  |  |  |  |
| a | Học sinh xuất sắc *(tỷ lệ so với tổng số)* | 7  (1.5%) | 2  (1.05%) | 4  (3.25%) | 1  (0.78%) |  |
| b | Học sinh giỏi *(tỷ lệ so với tổng số)* | 108  24.5% | 52  (27.37%) | 23  (18.7%) | 33  (25.78%) |  |
| 2 | Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè *(tỷ lệ so với tổng số; rèn luyện lại.* | 13  2.9% | 4  0.74% | 8  1.4% | 1  0.18% |  |
| 3 | Lưu ban *(tỷ lệ so với tổng số)* | 8  (1.4%) | 4  (0.74%) | 2  (0.38%) | 2  (0.38%) |  |
| 4 | Chuyển trường đi *(tỷ lệ so với tổng số)* | 3  (0.5%) |  | 1  (0.18%) | 2  (0.38%) |  |
| 5 | Chuyển trường đến *(tỷ lệ so với tổng số)* | 3  (0.5%) | 1  (0.18%) | 1  (0.18%) |  | 1  (0.18%) |
| 6 | Bị đuổi học *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  |  |
| 7 | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) *(tỷ lệ so với tổng số)* | 1  (0.18%) |  |  |  | 1  (0.18%) |
| **IV** | **Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi** |  |  |  |  |  |
| 1 | Cấp huyện | 86 | 18 | 17 | 21 | 30 |
| 2 | Cấp thành phố | 05 |  |  |  | 05 |
| **V** | **Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp** |  |  |  |  | 96 |
| **VI** | **Số học sinh được công nhận tốt nghiệp** |  |  |  |  | 96  (100%) |
| 1 | Giỏi *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 53  (55.2%) |
| 2 | Khá *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 28  (29.2%) |
| 3 | Trung bình *(Tỷ lệ so với tổng số)* |  |  |  |  | 15  (15.6%) |
| **VII** | **Số học sinh thi vào lớp 10 THPT**  (tỷ lệ so với tổng số) |  |  |  |  | 84  (87..5%) |
| **VIII** | **Số học sinh nam/số học sinh nữ** |  |  |  |  | 270/267 |
| **IX** | **Số học sinh dân tộc thiểu số** |  |  |  |  | 3  (0.6%) |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
|  | |  | |
| UBND HUYỆN VĨNH BẢO  **TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN** | |  | |

**Biểu 3.3**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023 -2024**

| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Bình quân** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Tổng số phòng học** | 17 | Số m2/học sinh |
| **II** | **Loại phòng học** |  |  |
| 1 | Phòng học kiên cố | 12 | 1,22 |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | 0 | 0 |
| 3 | Phòng học tạm | 0 | 0 |
| 4 | Phòng học nhờ | 0 | 0 |
| 5 | Số phòng học bộ môn | 5 | 0.78 |
| 6 | Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn) | 0 |  |
| 7 | Bình quân lớp/phòng học | 11/12 |  |
| 8 | Bình quân học sinh/lớp | 43.7 |  |
| **III** | **Số điểm trường** |  |  |
| **IV** | **Tổng số diện tích đất (m2)** | 4732 | 10.8 |
| **V** | **Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)** | 1250 | 2,9 |
| **VI** | **Tổng diện tích các phòng** |  |  |
| 1 | Diện tích phòng học (m2) | 44.46 | 533.52 |
| 2 | Diện tích phòng học bộ môn (m2) | 68 | 0.78 |
| 3 | Diện tích thư viện (m2) | 54.4 |  |
| 4 | Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m2) |  |  |
| 5 | *Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m2)* | 63.84 |  |
| **VII** | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu**  (Đơn vị tính: bộ) |  | Sốbộ/lớp |
| 1 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định | 581 | 48.4 |
| 1.1 | Khối lớp 6 | 115 | 38.3 |
| 1.2 | Khối lớp7 | 146 | 48.7 |
| 1.3 | Khối lớp 8 | 161 | 53.7 |
| 1.4 | Khối lớp 9 | 159 | 79.5 |
| 2 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định | 399 | 33.25 |
| 2.1 | Khối lớp 6 | 38 | 12,7 |
| 2.2 | Khối lớp 7 | 95 | 31,6 |
| 2.3 | Khối lớp 8 | 131 | 43.7 |
| 2.4 | Khối lớp 9 | 135 | 67,5 |
| 3 | Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị) | 0 |  |
| 4 | … |  |  |
| **VIII** | **Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ) | 20 |  |
| **IX** | **Tổng số thiết bị dùng chung khác** |  |  |
| 1 | Ti vi | 3 |  |
| 2 | Cát xét |  |  |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa |  |  |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể |  |  |
| 5 | Thiết bị khác... |  |  |
| **6** | **…..** |  |  |
| **IX** | **Tổng số thiết bị đang sử dụng** |  | **Số thiết bị/lớp** |
| 1 | Ti vi | 15 | 1 |
| 2 | Cát xét |  |  |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa |  |  |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | 2 |  |
| 5 | Thiết bị khác... |  |  |
| .. | …………… |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **XIV** | **Nhà vệ sinh** | **Giáoviênnam** | | **Giáoviênnữ** | | **Họcsinhnam** | | **Họcsinhnữ** | |
| Tổngsố | Diệntích | Tổngsố | Diệntích | Tổngsố | Diệntích | Tổngsố | Diệntích |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | 1 | 10 | 1 | 10 | 1 | 30 | 1 | 30 |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* |  |  |  |  |

*(\*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốcgiavềnhàtiêu - điềukiệnbảođảmhợpvệsinh).*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Có** | **Không** |
| **XV** | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | x |  |
| **XVI** | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng) | x |  |
| **XVII** | Kết nối internet | x |  |
| **XVIII** | Trang thông tin điện tử (website) của trường | x |  |
| **XIX** | Tường rào xây | x |  |

|  |
| --- |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN VĨNH BẢO  **TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Giang Biên, ngày 20 tháng 6 năm 2024*

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

**Năm học 2023 -2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng**  **số** | **Trình độ đào tạo** | | | | | | **Hạng CDNN** | | | | | **Chuẩn nghề nghiệp** | | | | |
| TS | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng I | Hạng II | Hạng III | Hạng IV | Tốt | | Khá | Đạt | Chưa  đạt |
| **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | 25 |  |  | 23 |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 19 | | 0 | 0 | 0 |
| **I** | **Giáo viên**  Trong đó số gv dạy môn: | 21 |  |  | 21 |  |  |  |  | 13 | 8 |  | 17 | |  |  |  |
| 1 | Toán | 4 |  |  | 4 |  |  |  |  | 0 | 4 |  | 3 | | 1 |  |  |
| 1 | Công nghệ | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | |  |  |  |
| 2 | Tin học | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | |  |  |  |
| 3 | Thể dục | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | |  |  |  |
| 4 | Ngữ văn | 4 |  |  | 4 |  |  |  |  | 2 | 2 |  | 3 | | 1 |  |  |
| 5 | Tiếng Anh | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 | |  |  |  |
| 6 | Lịch sử | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 0 | | 1 |  |  |
| 7 | Địa lý | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  | 1 | 1 |  | 2 | |  |  |  |
| 8 | Âm nhạc | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  | 0 | |  |  |  |
| 9 | Mĩ thuật | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | |  |  |  |
| 10 | GDCD | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  | 0 | |  |  |  |
| 11 | KHTN | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  | 3 | |  |  |  |
| 12 | HĐTNHN | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  | 0 | |  |  |  |
| 13 | GVTPT | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  | 0 | | 1 |  |  |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 | |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | |  |  |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | |  |  |  |
| **III** | **Nhânviên** | 2 |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 1 | Nhân viên văn thư | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 2 | Nhân viên kế toán | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 3 | Thủ quỹ | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 4 | Nhân viên y tế | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 5 | Nhân viên thư viện | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 6 | Nhân viên thiết bị TN | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 7 | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 8 | Nhân viên công nghệ thông tin | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 9 | Bảo vệ | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN VĨNH BẢO  **TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN** | **Biểu mẫu 3.5** |

**THÔNG BÁO**

**Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng**

**Năm học 2023-2024**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian đào tạo, bồi dưỡng** | **Đối tượng tham gia** | **Số lượng người tham gia** | **Nội dung đào tạo, bồi dưỡng** | **Hình thức đào tạo, bồi dưỡng** | **Trình độ đào tạo, bổi dưỡng** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Tháng 8/2023 đến tháng 11/2023 | CBQL, Giáo viên | 22 | Bồi dưỡng thường xuyên CTGDPT 2018 | Trực tuyến | Chứng chỉ |
| 2 | Tháng 8/2023 đến tháng 5/2024 | CB, GV.NV | 24 | Bồi dưỡng chính trị | Trực tiếp, trực tuyến | Chứng chỉ |
| 3 | Tháng 8/2023 đến tháng 10/2023 | CB, GV.NV | 24 | Bồi dưỡng chính trị | Trực tiếp, trực tuyến |  |
| 4 | Tháng 8/2023 đến tháng 11/2023 | Giáo viên | 9 | Chương trình giáo dục stem trong nhà trường. | Trực tuyến | Chứng chỉ |
| 5 | Tháng10/2023 đến tháng 12/2023 | Giáo viên | 2 | Bồi dưỡng môn LSĐL | Trực tiếp | Chứng chỉ |
| 6 | Từ 14/10/2023 đến 9/12/2023 | Giáo viên TPT đội | 1 | Bồi dưỡng công tác tư vấn học sinh | Trực tiếp | Chứng chỉ |
| 7 | Tháng 1/2022 đến tháng 12/2023 | GV diện CB nguồn | 1 | Bồi dưỡng trung cấp LLCT. | Vừa học vừa làm | Chứng chỉ |
| 8 | Từ 11/3/2024 đến 15/3/2024 | Giáo viên | 1 | Bồi dưỡng lớp nhận thức về Đảng | Tập trung | Chứng chỉ |
| 9 | Từ 25/3/2024 đến 31/3/2024 | Giáo viên | 1 | Bồi dưỡng lớp đảng viên mới | Tập trung | Chứng chỉ |
| 10 | Tháng 12/2023  đến 5/2024 | CBGVNV | 2 | Bồi dưỡng Tin học | Trực tiếp | Chứng chỉ |
| 11 | Tháng 6/2024 | CBGV | 23 | Bồi dưỡng CT SGK lớp 9 | Trực tuyến |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Hướng dẫn ghi biểu**

- Cột 2: Ghi dự kiến thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ tháng/năm đến tháng/năm

- Cột 3: Ghi tên đối tượng tham gia: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên…..

- Cột 6: Ghi hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Tập trung, vừa học vừa làm, trực tuyến…..

- Cột 7: Ghi trình độ đào tạo, bồi dưỡng đạt được sau khi hoàn thành (Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Chứng chỉ, Chứng nhận….)

UBND HUYỆN VĨNH BẢO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …/BC -TrH *Giang Biên, ngày 20 tháng 6 năm 2024*

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện cải tiến kiểm định chất lượng năm học 2023-2024**

Căn cứ Thông tư số 18/TT-BGD ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Căn cứ Kế hoạch số 24/KH-TrH ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Trường THCS Giang Biên kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023-2024;

Trường THCS Giang Biên báo cáo kết quả cải tiến kiểm định chất lượng năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

**I.TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ**

- Nhà trường đã thực hiện đúng quy trình tự đánh giá.

- Tập thể đã được đánh giá ngoài lần thứ nhất vào tháng 7/2020.

- Kết quả:

**+** Trường đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 (*theo Quyết định số 1930/ QĐ- UBND, ngày 08/7/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hải Phòng).*

+ Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1 (*theo Quyết định số 1930/QĐ-UBND, ngày 08/7/2020*).

+ Đạt chuẩn Thư viện (*theo Quyết định số 279/QĐ-SGDĐT-KHTC, ngày 22/5/2020*).

**II. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**

**1.Căn cứ thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng.**

- Báo cáo tự đánh giá năm 2020.

- Kế hoạch công tác cải tiến chất lượng giáo dục của trường THCS Giang Biên năm học 2023-2024.

**2. Kế hoạch cải tiến chất lượng đã thực hiện:**

**2.1 Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Phấn đấu duy trì mức 2

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Xây dựng kế hoạch phát triển học sinh và đội ngũ, cơ sở vật chất; hằng năm có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

- Nhà trường tiếp tục thông qua các tổ chức chi bộ, đoàn thể, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, phát huy ý kiến đóng góp rộng rãi hơn cho việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 đến 2025 và tầm nhìn đến 2030 cho phù hợp với từng thời điểm và điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

- Tổ chức viêc̣ giám sát thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng giai đoaṇ thường xuyên và kịp thời hơn; định kỳ sẽ rà soát, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**3.Kết quả:**

- Nhà trường có kế hoạch phát triển học sinh và đội ngũ, cơ sở vật chất; hằng năm có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

- Nhà trường tiếp tục thông qua các tổ chức chi bộ, đoàn thể, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, phát huy ý kiến đóng góp rộng rãi hơn cho việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 đến 2025 và tầm nhìn đến 2030 cho phù hợp với từng thời điểm và điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

- Tổ chức viêc̣ giám sát thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng giai đoaṇ thường xuyên và kịp thời hơn; định kỳ sẽ rà soát, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp.

Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường và các hội đồng khác**

**1.Mục tiêu cần đạt:** Phấn đấu đạt Mức 3

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Thực hiện việc kiện toàn có chất lượng đội ngũ nhân sự trong các hội đồng, có quy chế, kế hoạch bài bản, khoa học; phát huy sức mạnh tập thể; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, đoàn thể; chú trọng đánh giá hiệu quả cộng việc, gắn trách nhiệm và quyền lợi…

**3. Kết quả:**

+ Hội đồng trường dần có những chiến lược và quyết sách phù hợp, sáng tạo. Hội đồng thi đua khen thường và HĐ kỉ luật hoạt động hiệu quả, đảm bảo dân chủ, kỉ cương.

Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng cộng sản và các đoàn thể tổ chức khác trong nhà trường**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 3.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Chi bộ, Ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tiếp tục duy trì, phát huy tốt các kết quả đã đạt được. Quan tâm chỉ đạo Chi đoàn xem xét kết nạp bổ sung đoàn viên học sinh hàng năm cho chi đoàn theo kế hoạch, tạo lực lượng mạnh và tổ chức các hoạt động phong phú, chất lươṇg hơn.

- Tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ tổ tư vấn tâm lý xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể hơn, phối hợp cùng với giáo viên chủ niệm làm tốt công tác tư vấn và giáo dục cho những HS cá biệt.

**3. Kết quả**

-Chi bộ Đảng kết nạp thêm 01 Đảng viên, có thêm 02 Đảng viên từ nơi khác chuyển về, tổng số 19 Đảng viên. Chi bộ được công nhận HTTNV, trên 90% Đảng viên HTTNV, 02 ĐV HTXSNV. Nội bộ đoàn kết, thống nhất.

- Công đoàn HTT các nhiệm vụ, phối hợp tích cực với nhà trường.

- Chi đoàn thanh niên được kiện toàn gồm những giáo viên trẻ, tâm huyết nên hoạt động của chi đoàn dần có quy củ và có dấu ấn hơn.

- Liên đội ngày càng hoạt động nền nếp, thực hiện tốt các nhiệm vụ.

Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ chuyên môn và Tổ Văn phòng**

**1.Mục tiêu cần đạt:** Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Tiếp tục bồi dưỡng năng lực quản lý của BGH, tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên. Ban giám hiệu luôn tiên phong, gương mẫu, quản lý sâu sát, hiệu quả các mảng việc theo phân công.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục thực hiện nền nếp sinh hoạt chuyên môn và đề ra các biện pháp cụ thể trong kế hoạch để nâng cao chất lượng dạy và học. Tổ chức thảo luận, trao đổi nghiệp vụ chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước dạy học theo hướng tích hợp liên môn, dạy học theo chuyên đề, chủ đề STEM, tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo nhóm bộ môn nhằm ngày càng nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn; các môn học chỉ có một GV giảng dạy sẽ đề xuất cho ghép với các trường lân cận trong việc sinh hoạt chuyên môn nhóm định kỳ hàng tháng. Chú trọng công tác đánh giá hiệu quả của tổ nhóm chuyên môn, gắn quyền lợi và trách nhiệm.

**3. Kết quả:**

+ Trong năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham gia đầy đủ các đợt tập huấn bồi dưỡng; năng lực lãnh đạo chỉ đạo của Ban giám hiệu ngày càng chuyển biến tích cực. Chất lượng mọi mặt của nhà trường có sự thay đổi mạnh mẽ. BGH được xếp loại HTTNV. Hoạt động các tổ có đóng góp tích cực mang lại chất lượng của nhà trường.

+ Hoạt động của Tổ văn phòng có chuyển biến. Kết quả thi đua Tổ Văn phòng, Tổ KHTN được đánh giá HTTNV; Tổ KHXH hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Tổ chức thành công 01 chuyên đề cấp huyện môn Tiếng Anh được đánh giá tốt, các chuyên đề cấp trường theo hướng NCBH và nâng cao chất lượng vào 10 được thực hiện hiệu quả.

Đạt mức 3.

**Tiêu chí 1.5. Lớp học**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 3.

**2.Giải pháp thực hiện:**

-Đảm bảo sĩ số/l lớp theo quy định, hạn chế học sinh bỏ học, đồng thời huy động các nguồn lực bên ngoài nhà trường hỗ trợ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Ban giám hiệu tiếp tục chỉ đạo Đoàn Đội thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn cho ban cán sự lớp để nâng cao năng lực điều hành, tự quản của các em trong hoạt động của lớp;

- Phát huy vai trò quản lý và nguyên tắc tự quản trong các lớp học và tính dân chủ; chủ động để duy trì tốt các khối lớp theo kế hoạch phát triển sự nghiệp.

**3. Kết quả**

Không có lớp vượt quá số học sinh theo quy định. Bình quân 38.4 học sinh/lớp.

Đạt mức 3.

**Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính, tài sản**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Thực hiện tốt công tác thu chi công khai, minh bạch, ứng dụng CNTT vào quản lý tài chính. Sử dụng hiệu quả tài sản công.

- Thực hiện công tác cải cách hành chính, lưu trữ hồ sơ khoa học hơn nữa, và thường xuyên có kế hoạch kiểm tra, đánh giá điều chỉnh kịp thời những sai sót trong công tác lưu trữ;

- Tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch về sử dụng tài chính, tài sản trong nhà truờng. Thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm trong sử dụng văn phòng phẩm, điện thắp sáng, nước sinh hoạt. Thực hiện tốt công tác rà soát và công khai theo thông tư 36/TT-BGDÐT, Nghị định 24/2021 của chính phủ;

- Lãnh đạo nhà trường tạo điều kiện cho Ban thanh tra nhân dân tham gia đầy đủ các khóa tập huấn tăng cường công tác bồi dưỡng nghiệp vụ do cấp trên tổ chức; đôn đốc ban kiểm tra tài chính, tài sản của nhà trường kiểm tra đúng tiến độ và chặt chẽ hơn theo kế hoạch của nhà trường;

- Không có vi phạm tài chính theo kết luận của thanh tra.

**3. Kết quả**

+ CBQL, nhân viên phụ trách kế toán, đã tự học tự bồi dưỡng về năng lực sử dụng CNTT đáp ứng yêu cầu định kỳ hoàn thiện hồ sơ, báo cáo online, công khai, đăng tải lên trang Website hiệu quả hơn. Công tác giám sát đảm bảo dân chủ.

+ Việc sử dụng các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản thường xuyên, hiệu quả.

+ Không có vi phạm về quản lý tài chính, tài sản nhà trường.

**Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 3.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Tiếp tục tập trung các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hơn nữa: Xây dựng quy chế, nội quy làm việc, phân công, bố trí nhiệm vụ cho đội ngũ phù hợp với chuyên môn và năng lực; khuyến khích, động viên giáo viên tham gia các lớp nâng chuẩn.

**3. Kết quả:**

- Cán bộ quản lý đạt mức Tốt.

- Phong trào thi đua của giáo viên, nhân viên ngày càng chuyển biến tích cực. Điểm thi đua của nhà trường xếp tốp đầu toàn huyện.

- 100% giáo viên hoàn thành bồi dưỡng các Module trên LMS. Giáo viên tham gia đầy đủ các đợt tập huấn do các cấp tổ chức. 100% giáo viên, nhân viên đào tạo chuẩn, được đánh giá chuẩn từ khá, tốt trở lên. Trường có 08 giáo viên thi GVG cấp huyện và được công nhận, 08 giáo viên tham gia hướng dẫn KHKT và đạt giải, phong trào viết SKKN sôi nổi, có 09 SKKN được HĐSKKN của huyện xếp loại Đạt. Không có GV, NV vi phạm quy định của chính sách, pháp luật.

Đạt mức 3.

**Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục**

**1.Mục tiêu cần đạt:** Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Trong năm học này và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tuc̣ đẩy mạnh công tác quản lý, tổ chức triển khai, kiểm tra thường xuyên các hoạt động giáo dục; chỉ đạo chuyên môn, tổ chuyên môn tập trung tìm giải pháp trong dạy và học để nâng cao chất lượng đại trà, cụ thể:

+ Tổ chuyên môn tiếp tục triển khai cho giáo viên thực hiện đổi mới các phương pháp dạy học tích cực, tiếp cận và thực hiện phương pháp dạy học theo dự án; Chú trọng cải tiến nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn, tích cực trao đổi, thảo luận các chủ đề về: Nội dung giảng dạy, tháo gỡ những vướng mắc khi gặp bài dài, bài khó, ... xây dựng các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học;

+ Tổ chức thực hiện được đa dạng các chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM; phân công mỗi tổ thực hiện ít nhất 02 chủ đề dạy học STEM/năm;

+ Tổ chức thực hiện thao giảng, hội giảng giáo viên cấp trường, với tất cả các tiết đều phải thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực mới. Chú trọng việc dạy học thực hành trong giờ chính khoá, rèn kỹ năng cho giáo viên, liên hệ thực tế phù hợp nội dung bài học;

+ Chỉ đạo giáo viên thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi tiết học thành một chuỗi các hoạt động dạy và học; sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực nhằm tổ chức cho HS phát hiện kiến thức.

**3.Kết quả:**

- 06 giáo viên được tập huấn dạy môn tích hợp, tư vấn học đường.

- Liên kết với Trung tâm KNS Phương Mai để dạy kĩ năng mềm cho học sinh. Học sinh tham gia đông đủ, hiệu quả.

- Tổ chức 01 chuyên đề ngoại khóa, trải nghiệm cho học sinh.

- Các hoạt động giáo dục được thực hiện tốt.

**Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Phấn đấu đạt Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Nhà trường tiếp tuc̣ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách, pháp luật về Quy chế dân chủ thường xuyên và kịp thời.

- Khích lệ, tạo điều kiện cho giáo viên, công nhân viên trong nhà trường phát huy vai trò, trách nhiệm, mạnh dạn trong bàn bạc, góp ý, giám sát các công việc của nhà trường.

**3. Kết quả**

- Giáo viên làm công tác thanh tra nhân dân là đ.c Hoàng Thị Tuyết có thâm niên kinh nghiệm.

- Nhà trường đã phối hợp thường xuyên với các tổ chức đoàn thể của địa phương.

- Công tác dân chủ thực hiện nghiêm túc. Công tác công khai, tiếp dân thực hiện đúng quy định.

**Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Xây dựng phương án PCTNTT và kế hoạch đảm bảo cụ thể, sát hợp.

- Kiện toàn Ban ATANTH, rà soát hoạt động để đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp phù hợp, hiệu quả hơn trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; tích cực phối hợp với địa phương, gia đình giáo dục học sinh.

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, nội quy truờng lớp, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương, các ngành chức năng để kiểm tra, thu thập đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn hiệu quả. Tổ chức tập huấn và truyền thông thường xuyên về đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện tốt quy định về bình đẳng giới.

**3.Kết quả**

- Nhà trường đã cử GV và CBQL tham gia bồi dưỡng phòng chống cháy nổ, tổ chức lớp tập huấn, tuyên truyền trong trường. 100% CBGVNV tham gia diễn tập PCCC. 100% học sinh được tuyên truyền kiến thức PCCC qua các tiết kĩ nắng sống.

- Tổ chức các chuyên đề lớn về ATGT, PCCC và phòng chống TNTT học đường cho học sinh.

- Trường không có vụ việc mất ATAN nghiêm trọng.

- Trường vẫn chưa có nhân viên y tế học đường, công tác kiêm nhiệm mảng YTHĐ của kế toán còn hạn chế.

**TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN**

**Tiêu chí 2.1. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng**

**1,Mục tiêu cần đạt:** Mức 3.

**2.Giải pháp thực hiện:**

-Tích cực bồi dưỡng thường xuyên.

-Nâng cao năng lực lãnh đạo, bồi dưỡng chính trị theo quy định.

-Quản lý sâu sát các mảng việc, làm tốt vai trò nêu gương của quản lý, được giáo viên, nhân viên tín nhiệm.

**3. Kết quả**

- Ban giám hiệu được đánh giá chuẩn loại Tốt.

- Kết quả quản lý nhà trường ngày càng chuyển biến rõ rệt.

- Thực hiện bồi dưỡng chính trị theo quy định, được GVNV tín nhiệm cao.

Đạt mức 3

**Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Phấn đấu đạt Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ.

- Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để thực hiện tốt công tác tổ chức HĐTNHN và công tác phân luồng.

-Động viên giáo viên tích cực tham gia hướng dẫn HS nghiên cứu KHKT, tham gia thi GVG các cấp và đăng kí các danh hiệu thi đua.

-Thuờng xuyên bồi duỡng và nâng cao hiệu quả sử dụng tin học ngoại ngữ, tham gia bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên, hiệu quả.

**3. Kết quả**

-100% giáo viên đạt chuẩn, 100% được đánh giá chuẩn xếp loại khá, tốt.

- Số giáo viên tham gia hướng dẫn NCKH tăng so với năm học trước: có 08 giáo viên tham gia hướng dẫn NCKH. Trường đạt 08 giải cấp huyện.

- Việc tổ chức chuyên đề HĐTN chưa thường xuyên. Giáo viên chưa được tập huấn cấp chứng chỉ môn HĐTN.

- Không có giáo viên bị kỉ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Công tác phân luồng sau tốt nghiệp chưa hiệu quả cao: phân luồng 13 học sinh/ 96 học sinh lớp 9. Tỉ lệ còn thấp so với chỉ tiêu.

**Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Bố trí giáo viên kiêm nhân viên có hiệu quả.

**2. Giải pháp thực hiện:**

- Tham muu với các cấp để nhà truờng cơ bản đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu, đặc biệt đề xuất bổ sung thêm nhân viên CNTT, Thư viện và tư vấn tâm lý.

- Nhà truờng đánh giá, nhận xét, xếp loại chính xác, khách quan nhân viên theo quy định;

- Bố trí, sắp xếp cho nhân viên dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên văn phòng thuờng xuyên cải tiến các biện pháp thực hiện nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả công việc.

**3. Kết quả**

- Giáo viên kiêm nhiệm nhân viên thực hiện khá tốt công tác được giao.

- Sắp xếp khá hợp lý giáo viên kiêm nhân viên, đảm bảo khá đúng tiến độ các công việc.

-Trong năm không có nhân viên bị kỉ luật cảnh cáo trở lên.

**Tiêu chí 2.4. Đối** **với học sinh**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Tập trung nhiều hơn công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử. Phối hợp với địa phương, gia đình để giáo dục học sinh, và thường xuyên kiểm tra nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời những vi phạm của học sinh;

- Tiếp tục kiện toàn Ban nền nếp của trường và lên kế hoạch cụ thể việc kiểm tra nề nếp hàng tháng;

- Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chủ nhiệm các lớp, chọn những giáo viên chủ nhiệm có năng lực và tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm quan tâm đến lớp và có những giải pháp hữu hiệu để giáo dục học sinh cá biệt.

**3. Kết quả:**

- Học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục đạo đức, kĩ năng sống, HĐTN thường xuyên.

- Nền nếp học sinh có chuyển biến tích cực.

-Chất lượng hai mặt giáo dục có chuyển biến tốt:*Về hạnh kiểm*: Tốt 357 em (66.6%), Khá:111 em (20.8%), Đạt(TB) 52 em (9.7%), CĐ(Y):16 em (2.9%). So với chỉ tiêu hạnh kiểm Tốt, khá 90% trở lên. Kết quả đạt được 468/536 học sinh đạt 87.31% giảm so với chỉ tiêu 2.7%. Loại CĐ chỉ tiêu là dưới 2%, kết quả đạt được là 2.98% tăng 0.98% xấp xỉ 5 học sinh.

*Về học lực*: Tốt 172 em(32.1%), khá: 241 em (44.9), Đạt(TB)110 em (20.5%) CĐ(Y): 13 em (2.4%). So với chỉ tiêu khá, tốt: 90% trở lên. Kết quả đạt được 413/536 học sinh chiếm tỉ lệ 77.05%. So với chỉ tiêu giảm 12.9%. Tỉ lệ CĐ dưới 2%, thực tế đạt 2.42%, tăng 0.42% xấp xỉ 3 học sinh.

Học sinh lên lớp thẳng 515 em (*96.1%),* tốt nghiệp lớp 9: 96/96 học sinh đạt 100%.

- Không có học sinh vi phạm tệ nạn xã hội. Học sinh vi phạm được giáo dục kịp thời, ý thức có chuyển biến tích cực.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi, khá, hạnh kiểm tốt, khá chiếm trên 80%.

*-Tồn tại, hạn chế:* Một bộ phận học sinh cá biệt còn chuyển biến chậm như em Long 6A3, Chung 6A5, Bảo 8C, Cường, Vy 7C, Khởi, Long 7B…

**TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT**

**Tiêu chí 3.1. Khuôn viên khu sân chơi bãi tập**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Phấn đấu mức 2.

**2,Giải pháp thực hiện:**

- Xin bổ sung hạng mục mở rộng diện tích đất và bãi tập, tiếp tuc̣ tham mưu, đề xuất, để trang bi ̣thêm các thiết bi ̣dạy học môn giáo dục thể chất, thể thao, đáp ứng tốt hơn nữa cho hoạt động dạy và học.

**3. Kết quả**

- Diện tích khuôn viên chưa được mở rộng.

- Các cây cho bóng mát tán còn hẹp chưa có độ che phủ rộng, khu sân trường đã được sửa chữa.

Không đạt mức 2.

**Tiêu chuẩn 3.2. Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ giáo dục**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Nhà trường tiến hành rà soát đánh giá thực trạng phòng học, phòng bộ môn để kiến nghị UBND huyện, Phòng GD&ĐT tiếp tục xây dựng mới, đảm bảo đủ, đúng theo các quy định hiện hành; sắp xếp bố trí 01 phòng học riêng để tổ chức giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt;

- Trong năm học này nhà trường đã tham mưu với UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, ngành GD&ĐT bổ sung trang thiết bị dạy học. Bên cạnh đó, tiếp tục kiến nghị UBND huyện, Phòng Tài chính-Kế hoạch và tận dụng các nguồn kinh phí để đầu tư mua sắm mới thêm các trang thiết bị dạy và học, cũng như nâng cấp, sửa chữa cơ sở vâṭ chất bảo đảm tốt phục vụ dạy và học trong nhà trường.

**3. Kết quả**

- Đã bổ sung các thiết bị cần thiết phục vụ dạy học.

- Thiết bị phòng Ngoại ngữ còn hạn chế, chưa xây thêm các phòng học bộ môn còn thiếu do các cấp chưa có nguồn.

-Trường thiếu một số phòng bộ môn và phòng khối phụ trợ. Đạt mức 2.

**Tiêu chuẩn 3.3. Khối quản trị, hành chính**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

-Tiếp tục phát huy các điểm mạnh sẵn có, nhà trường sẽ có kế hoạch đầu tư thêm trang thiết bị để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động hành chính – quản trị chung; tăng cường công tác kiểm tra, qua đó chỉ đạo bộ phận Văn phòng quản lý hồ sơ, sổ sách khoa học hơn nữa, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị nhà trường.

**3. Kết quả:**

- Các phòng đảm bảo chuẩn với đầy đủ trang thiết bị làm việc.

-Trường còn thiếu phòng Hội trường.

Đạt mức 2

**Tiêu chuẩn 3.4. Khu vệ sinh, hệ thống cấp nước thoát nước**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

-Có kế hoạch, giải pháp bổ sung khu vệ sinh, đảm bảo có hệ thống sử dụng tiện lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập. Bên cạnh đó, tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh.

- 100% học sinh được sử dụng nước sạch.

**3. Kết quả**

- Khu vệ sinh sạch sẽ, đủ máng tiểu xí.

- Hệ thống cấp thoát nước tốt.

- Khu vệ sinh chưa thuận tiện cho học sinh khuyết tật.

- Ý thức giữ vệ sinh của một bộ phận học sinh chưa tốt.

Đạt mức 2.

**Tiêu chuẩn 3.5. Thiết bị**

**1.Mục tiêu cần đạt:** Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa, vận dụng các nguồn kinh phí để đầu tư mua sắm mới và sửa chữa các trang thiết bị bảo đảm tốt cho công tác quản lý và giảng dạy trong nhà trường;

- Tiếp tục bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học, các phần mềm ứng dụng cho công tác giảng dạy; đưa nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học vào tiêu chí thi đua;

- Thuờng xuyên kiểm tra, chấn chỉnh việc khai thác, sử dụng thiết bị hiện có và phát động giáo viên làm thêm dồ dùng dạy học.

**3. Kết quả**

**-** Thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo.Phòng máy được sửa chữa bổ sung đủ số lượng máy phục vụ dạy học. Đã sửa chữa nâng cấp đường truyền mạng. Đạt mức 2.

**Tiêu chuẩn 3.6. Thư viện**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện**:

-Giao cho nhân viên thư viện của trường thường xuyên rà soát và đề nghị bổ sung thêm một số sách tham khảo, sách nghiệp vụ theo yêu cầu đăng kí của giáo viên phục vụ cho công tác dạy, bồi dưỡng học sinh giỏi, bằng nguồn kinh phí ngân sách. Đồng thời thanh lý các ấn phẩm cũ, nát, nội dung không còn phù hợp, bên cạnh đó, tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền học sinh khả năng tự học ở sách báo, thư viện. Hưởng ứng và tổ chức tốt các hoạt động Tuần lễ học tập suốt đời, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện lịch sử theo sách.

- Tăng cường viết bài, đưa tải thông tin lên website của trường nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và các bậc cha mẹ học sinh.

-Chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ giáo viên kiêm nhân viên Thư viện.

**3.Kết quả**

- Giáo viên làm công tác thư viện được tập huấn làm công tác thư viện chuẩn.

-Thư viện đạt chuẩn quy định. Việc lưu trữ hồ sơ khoa học.

- Hưởng ứng và tổ chức tốt các hoạt động Tuần lễ học tập suốt đời, ngày hội đọc sách.

Tồn tại: Một bộ phận học sinh chựa tích cực đọc sách tại Thư viện. Giáo viên kiêm nhân viên nên hiệu quả công việc chưa cao. Đạt mức 2.

**TIÊU CHUẨN 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI**

**Tiêu chuẩn 4.1. Ban đại diện Cha mẹ học sinh**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 3.

**2.Giải pháp thực hiện**:

-Kiện toàn Ban đại diện gồm những phụ huynh có lòng nhiệt tình và trách nhiệm. Phối hợp để Ban đại diện hoạt động khoa học, hiệu quả.

-Tiếp tục tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả hơn, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; củng cố và nâng cao trách nhiệm của cha mẹ học sinh, huy động đại diện cha mẹ học sinh các lớp tích cực đề xuất các biện pháp giáo dục học sinh nhiều hơn nữa;

- Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục để điều chỉnh các biện pháp giáo dục học sinh phù hợp, giải quyết các kiến nghị kịp thời;

- Tăng cường việc quản lý và giáo dục học sinh, đặc biệt là học sinh cá biệt, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**3. Kết quả**:

- Đã kiện toàn 14 chi hội lớp với 42 ông bà nhiệt tình, trách nhiệm.

- Hoạt động hội có quy chế, kế hoạch bài bản, ngày càng khoa học, hiệu quả.

- Hội CMHS phối hợp tích cực với nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Quan tâm sâu sát đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Công tác phối hợp giáo dục học sinh cá biệt chưa hiệu quả cao, còn học sinh bỏ học.

Đạt mức 3.

**Tiêu chuẩn 4.2. Công tác tham mưu với Cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các cá nhân, tổ chức của nhà trường**

**1. Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện**:

- Tiếp tục tham mưu với các cấp Đảng ủy, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường nhiều hơn nữa trong việc thực hiện phương hướng, phát triển của nhà trường;

- Tích cực hơn trong việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để góp phần xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục ngày phát triển;

- Nhà trường tiếp tục tăng cườngphối hợp hiệu quả với các tổ chức ban ngành, đoàn thể của địa phương trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật cho học sinh; Chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên tuyên truyền trong nhân dân và cha mẹ học sinh ở địa phương về việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên về nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 sẽ được áp dụng vào lớp 6, lớp 7, lớp 8.

**3. Kết quả**

Thực hiện tốt công tác tham mưu với Cấp ủy Đảng.

Phối hợp tốt với chính quyền và các ban ngành của địa phương để giáo dục học sinh.

Nhà trường đã huy động sự ủng hộ của anh Cao Chí Cuối tặng nhiều suất quà có giá trị hàng chục triệu đồng cho học sinh nghèo.

Đạt mức 2

**TIÊU CHUẨN 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

**Tiêu chuẩn 5.1. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông**

**1.Mục tiêu cần đạt:** Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

-Bồi dưỡng đội ngũ nhằm thực hiện tốt CT mới 2018.

-Rà soát, xây dựng KHGD khoa học, sát thực tế.

-Tiếp tục phát huy, duy trì việc thực hiện tốt chương trình giảng dạy, kế hoạch dạy học; tăng cường chỉ đạo các tổ chuyên môn vận dụng tốt các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy; Chỉ đạo chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng hơn, chú trọng đến hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học theo dự án,... Quán triệt, động viên cán bộ, giáo viên tham gia đầy đủ và học nghiêm túc các lớp tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, chuẩn bị cho năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo.

**3.Kết quả:**

Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường có chuyển biến tích cực, không còn học sinh có học lực yếu(CĐ) và hạnh kiểm yếu(CĐ).

*Về hạnh kiểm*: Tốt 357 em (66.6%), Khá:111 em (20.8%), Đạt(TB) 52 em (9.7%), CĐ(Y):16 em (2.9%). So với chỉ tiêu hạnh kiểm Tốt, khá 90% trở lên. Kết quả đạt được 468/536 học sinh đạt 87.31% giảm so với chỉ tiêu 2.7%. Loại CĐ chỉ tiêu là dưới 2%, kết quả đạt được là 2.98% tăng 0.98% xấp xỉ 5 học sinh.

*Về học lực*: Tốt 172 em(32.1%), khá: 241 em (44.9), Đạt(TB)110 em (20.5%) CĐ(Y): 13 em (2.4%). So với chỉ tiêu khá, tốt: 90% trở lên. Kết quả đạt được 413/536 học sinh chiếm tỉ lệ 77.05%. So với chỉ tiêu giảm 12.9%. Tỉ lệ CĐ dưới 2%, thực tế đạt 2.42%, tăng 0.42% xấp xỉ 3 học sinh.

Học sinh lên lớp thẳng 515 em (*96.1%),* tốt nghiệp lớp 9: 96/96 học sinh đạt 100%.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi gặp không ít khó khăn do thiếu đội ngũ. Kết quả đáng ghi nhận khi toàn trường có 19 thầy cô có HSG cấp huyện và thành phố với tổng số 91 giải các cấp: 10 giải Nhất, 20 giải Nhì, 21 giải Ba, 40 giải Khuyến khích (*trong đó có 86 giải cấp huyện, 05 giải văn hóa cấp Thành phố, vượt chỉ tiêu 19 giải cấp huyện, 01 giải cấp thành phố*). Tiêu biểu trong số các thầy cô có giải học sinh giỏi các cấp là cô Hoàng Thị Tuyết có 10 học sinh đạt giải trong đó có 01 học sinh đạt giải Nhì cấp Thành phố, cô Nguyễn Thị Út Hậu có 10 học sinh đạt giải 02 học sinh đạt giải cấp Thành phố, thầy Trần Anh Tú có 16 học sinh đạt giải trong đó có 01 học sinh đạt giải Nhì cấp Thành phố, cô Phạm Thị Quyên có 14 học sinh đạt giải trong đó có 01 học sinh đạt giải Ba cấp Thành phố, cô Trần Thị Định có 06 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Nguyễn Thị Diên có 04 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Nguyễn Thị Thu Huyền có 04 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Tạ Thị Thanh Hải có 04 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Phạm Thị Tam Oanh có 03 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Vũ Thị Huyền có 03 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Vũ Thị Đào có 03 học sinh đạt giải cấp huyện, thầy Nguyễn Đình Hùng có 03 giải học sinh giỏi cấp huyện, cô Vũ Thị Ánh có 02 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Phạm Như Quỳnh có 02 học sinh đạt giải cấp huyện, thầy Phạm Kim Cương có 02 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Vũ Thị Hường có 01 học sinh đạt giải cấp huyện, thầy Nguyễn Thành Vinh có 01 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Tô Thị Lan có 01 học sinh đạt giải cấp huyện.

Về phía các em học sinh có 64 học sinh đạt giải học sinh giỏi các cấp tiêu biểu là em Ngô Thanh Trúc đạt 02 giải: 01 giải Nhì cấp huyện, 01 giải Nhì cấp thành phố; em Bùi Thị Thúy Vy đạt 02 giải: 01 giải Ba cấp huyện, 01 giải Ba cấp Thành phố, em Nguyễn Thị Ngọc 01 giải Nhì huyện, 01 giải KK thành phố, em Nguyễn Diệu Thu đạt 03 giải trong đó có 01 giải Ba cấp Thành phố, em Bùi Thị Kim Huệ đạt 05 giải trong đó có giải Ba cấp Thành phố và nhiều em học sinh khác đã nỗ lực và gặt hái được thành tích đáng khích lệ trong các cuộc thi cấp huyện. Đây là thành tích rất xuất sắc của đội ngũ thầy cô giáo phụ trách các đội tuyển cùng sự quyết tâm cao của các em học sinh của nhà trường trong năm học 2023-2024.

Năm học 2023-2024, nhà trường gặp nhiều khó khăn về nhân sự ở bộ môn Toán vốn dĩ là vùng trũng chất lượng nhiều năm. Giáo viên Ngữ văn và Tiếng Anh phụ trách những môn KSCL đều phải dạy nhiều khối lớp và giảng dạy ở các môn phụ. Số tiết thực dạy nhiều gây trở ngại đến chất lượng giảng dạy những bộ môn chính. Tuy nhiên với sự nỗ lực của cả tập thể nhà trường, sự cố gắng của các em học sinh, kết quả toàn trường đã đạt TBC 5.81 xếp thứ 9/19 trường., tăng 05 bậc so với chỉ tiêu.Tồn tại: Trường còn có 21 học sinh diện thi lại, rèn luyện lại, lưu ban.

Đạt mức 2

**Tiêu chuẩn 5.2. Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập rèn luyện**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

-Xác định công tác bồi dưỡng HSG, HSY là nhiệm vụ trọng tâm, phân công nhiệm vụ phù hợp cho giáo viên phụ trách gắn với đánh giá thi đua.

-Phân công và giao cho những giáo viên có năng lực chuyên môn tốt trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ngay khi kết thúc năm học cũ, để giáo viên được phân công bồi dưỡng xây dựng kế hoạch giảng dạy sát hơn với học sinh; Bên cạnh đó xây dựng kế hoạch và sắp xếp thời gian hợp lý tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi khối 8 ngay trong năm học để tạo nguồn cho năm kế tiếp;

- Cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm tăng cường phối hợp với phụ huynh có học sinh yếu, kém để động viên các em đi học chuyên cần hơn, tạo cho các em tâm lý thoải mái, tự tin hơn; Đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy chú ý hướng dẫn phương pháp tự học, giúp học sinh học ở nhà hiệu quả hơn;

- Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội khuyến học địa phương để làm tốt công tác khen thưởng các hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo.

**3.Kết quả**

Năm học 2023-2024nhà trường đạt 5 giải học sinh giỏi cấp Thành phố trong đó có 02 giải Nhì, 02 giải ba, 01 giải khuyến khích vượt 01 giải so với chỉ tiêu. 89 giải học sinh giỏi cấp huyện.

Đạt mức 2

**Tiêu chuẩn 5.3. Thực hiện giáo dục địa phương**

**1.Mục tiêu cần đạt:** Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả nội dung chương trình giáo dục địa phương; chỉ đạo tổ Khoa học xã hội phân công cụ thể cho các giáo viên bộ môn Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử thực hiện tốt chỉ đạo của Sở GD&ĐT về giảng dạy nội dung giáo dục địa phương của thành phố Hải Phòng.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, cho học sinh tham quan các di tích Lịch sử - Văn hóa trên địa bàn thành phố thường xuyên.

**3.Kết quả:**

Học sinh được học tập đầy đủ kiến thức và có sự hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của quê hương Hải Phòng.

Đạt mức 2.

**Tiêu chuẩn 5.4. Các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp**

**1. Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Chú trọng bồi dưỡng giáo viên phụ trách bộ môn.

- Tập trung dạy hướng nghiệp cho học sinh khối 9 và tư vấn nghề cho học sinh và phụ huynh khối 9 theo quy định của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện địa phương, làm tốt công tác phân luồng cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở;

- Chỉ đạo chuyên môn cập nhật các tài liệu mới để tổ chức dạy các chuyên đề hướng nghiệp cho học sinh; giao cho giáo viên chủ nhiệm khối 9 làm tốt công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh và phụ huynh. Ngoài ra, nhà trường sẽ có kế hoạch tiếp tục phối hợp với trường Trung tâm giáo dục thường xuyên để tư vấn hướng nghiệp phân luồng và định hướng tốt hướng đi sau tốt nghiệp trung học cơ sở cho phụ huynh và học sinh;

- Ban giám hiệu chỉ đạo cho Đoàn, Đội ngay từ đầu năm, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các hình thức phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường và đạt kết quả thiết thực hơn.

**3.Kết quả:**

**-**Nhà trường đã bồi dưỡng công tác DHHN qua HĐTN. Việc dạy học HN được thực hiện theo kế hoạch.

-Năm học 2023-2024 nhà trường phân luồng được 13 học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp THCS.

- Công tác dạy học HN còn chưa phong phú về kiến thức và hình thức tổ chức.

Đạt mức 2

**Tiêu chuẩn 5.5. Hình thành phát triển kĩ năng sống cho học sinh**

**1.Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Tăng cường quán triệt tới tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên cũng như học sinh hiểu rõ tầm quan trọng của giáo dục về kỹ năng sống và ứng xử có văn hoá trong nhà trường ngay từ đầu năm;

- Tập trung tổ chức thực hiện tốt hơn việc giáo dục tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân và gia đình thông qua hoạt động ngoại khóa và tích hợp trong nội dung các môn Sinh học, GDCD; thường xuyên kiểm tra đánh giá việc thực hiện của giáo viên;

- Tổ chức nhiều hội thi bổ ích như thi văn nghệ, thi làm báo tường, kể chuyện về Bác, kể chuyện lịch sử theo sách, thi đấu TDTT. Bên cạnh đó tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hoạt động tổ tư vấn tâm lý học đường, ...

**3.Kết quả**

- Nhà trường đã xây dựng chương trình lồng ghép kiến thức kĩ năng sống cho các em ở các môn học

- Năm học này, nhà trường đã phối hợp với trung tâm kĩ năng sống Phương Mai dạy kĩ năng sống cho học sinh. Kết quả có 442 em được học tập kĩ năng sống.

- Học sinh được tham gia các hội thi, cuộc thi, TDTT.

Tồn tại: Việc tổ chức các cuộc thi chưa thường xuyên và phong phú.

Đạt mức 2.

**Tiêu chuẩn 5.6. Kết quả giáo dục**

**1. Mục tiêu cần đạt**: Mức 2.

**2.Giải pháp thực hiện:**

- Tập trung chỉ đạo chuyên môn và các tổ chuyên môn tiếp tục thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp giảng dạy; Quan tâm nhiều đến các đối tượng học sinh yếu, kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và xây dựng, thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém hiệu quả;

- Tiếp tục chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng nội dung giảng dạy các môn, (đặc biệt các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh) đảm bảo các yêu cầu ở mức độ cũng cố, ôn tập hệ thống kiến thức cơ bản, khắc sâu thêm kiến thức trong chương trình học, và một phần nâng cao kiến thức nhằm nâng cao chất lượng học tập ở các môn, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT, đồng thời qua đó phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi bộ môn đáp ứng tốt cho phong trào mũi nhọn của nhà trường;

- Chỉ đạo giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong viêc̣ theo dõi, nhắc nhở và tạo điều kiêṇ cho các em có thời gian học tập ở nhà, nhất là các em học sinh yếu, các em có hoàn cảnh khó khăn; động viên các em đến lớp chuyên cần, hạn chế các em học sinh yếu, kém bỏ học.

**3.Kết quả**

Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường có chuyển biến tích cực, không còn học sinh có học lực yếu(CĐ) và hạnh kiểm yếu(CĐ).

*Về hạnh kiểm*: Tốt 357 em (66.6%), Khá:111 em (20.8%), Đạt(TB) 52 em (9.7%), CĐ(Y):16 em (2.9%). So với chỉ tiêu hạnh kiểm Tốt, khá 90% trở lên. Kết quả đạt được 468/536 học sinh đạt 87.31% giảm so với chỉ tiêu 2.7%. Loại CĐ chỉ tiêu là dưới 2%, kết quả đạt được là 2.98% tăng 0.98% xấp xỉ 5 học sinh.

*Về học lực*: Tốt 172 em(32.1%), khá: 241 em (44.9), Đạt(TB)110 em (20.5%) CĐ(Y): 13 em (2.4%). So với chỉ tiêu khá, tốt: 90% trở lên. Kết quả đạt được 413/536 học sinh chiếm tỉ lệ 77.05%. So với chỉ tiêu giảm 12.9%. Tỉ lệ CĐ dưới 2%, thực tế đạt 2.42%, tăng 0.42% xấp xỉ 3 học sinh.

Học sinh lên lớp thẳng 515 em (*96.1%),* tốt nghiệp lớp 9: 96/96 học sinh đạt 100%.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi gặp không ít khó khăn do thiếu đội ngũ. Kết quả đáng ghi nhận khi toàn trường có 19 thầy cô có HSG cấp huyện và thành phố với tổng số 91 giải các cấp: 10 giải Nhất, 20 giải Nhì, 21 giải Ba, 40 giải Khuyến khích (*trong đó có 86 giải cấp huyện, 05 giải văn hóa cấp Thành phố, vượt chỉ tiêu 19 giải cấp huyện, 01 giải cấp thành phố*). Tiêu biểu trong số các thầy cô có giải học sinh giỏi các cấp là cô Hoàng Thị Tuyết có 10 học sinh đạt giải trong đó có 01 học sinh đạt giải Nhì cấp Thành phố, cô Nguyễn Thị Út Hậu có 10 học sinh đạt giải 02 học sinh đạt giải cấp Thành phố, thầy Trần Anh Tú có 16 học sinh đạt giải trong đó có 01 học sinh đạt giải Nhì cấp Thành phố, cô Phạm Thị Quyên có 14 học sinh đạt giải trong đó có 01 học sinh đạt giải Ba cấp Thành phố, cô Trần Thị Định có 06 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Nguyễn Thị Diên có 04 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Nguyễn Thị Thu Huyền có 04 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Tạ Thị Thanh Hải có 04 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Phạm Thị Tam Oanh có 03 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Vũ Thị Huyền có 03 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Vũ Thị Đào có 03 học sinh đạt giải cấp huyện, thầy Nguyễn Đình Hùng có 03 giải học sinh giỏi cấp huyện, cô Vũ Thị Ánh có 02 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Phạm Như Quỳnh có 02 học sinh đạt giải cấp huyện, thầy Phạm Kim Cương có 02 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Vũ Thị Hường có 01 học sinh đạt giải cấp huyện, thầy Nguyễn Thành Vinh có 01 học sinh đạt giải cấp huyện, cô Tô Thị Lan có 01 học sinh đạt giải cấp huyện.

Về phía các em học sinh có 64 học sinh đạt giải học sinh giỏi các cấp tiêu biểu là em Ngô Thanh Trúc đạt 02 giải: 01 giải Nhì cấp huyện, 01 giải Nhì cấp thành phố; em Bùi Thị Thúy Vy đạt 02 giải: 01 giải Ba cấp huyện, 01 giải Ba cấp Thành phố, em Nguyễn Thị Ngọc 01 giải Nhì huyện, 01 giải KK thành phố, em Nguyễn Diệu Thu đạt 03 giải trong đó có 01 giải Ba cấp Thành phố, em Bùi Thị Kim Huệ đạt 05 giải trong đó có giải Ba cấp Thành phố và nhiều em học sinh khác đã nỗ lực và gặt hái được thành tích đáng khích lệ trong các cuộc thi cấp huyện. Đây là thành tích rất xuất sắc của đội ngũ thầy cô giáo phụ trách các đội tuyển cùng sự quyết tâm cao của các em học sinh của nhà trường trong năm học 2023-2024.

Năm học 2023-2024, nhà trường gặp nhiều khó khăn về nhân sự ở bộ môn Toán vốn dĩ là vùng trũng chất lượng nhiều năm. Giáo viên Ngữ văn và Tiếng Anh phụ trách những môn KSCL đều phải dạy nhiều khối lớp và giảng dạy ở các môn phụ. Số tiết thực dạy nhiều gây trở ngại đến chất lượng giảng dạy những bộ môn chính. Tuy nhiên với sự nỗ lực của cả tập thể nhà trường, sự cố gắng của các em học sinh, kết quả toàn trường đã đạt TBC 5.81 xếp thứ 9/19 trường., tăng 05 bậc so với chỉ tiêu.Tồn tại: Trường còn có 21 học sinh diện thi lại, rèn luyện lại, lưu ban.

Đạt mức 2.

**III.KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1.Với Phòng GD&ĐT**:

Kính mong Phòng GD&ĐT huyện tiếp tục tham mưu để nhà trường có diện tích, nhân sự ( giáo viên, nhân viên) đảm bảo chuẩn theo quy định.

**2.Với UBND huyện**:

Quan tâm về diện tích, nhân sự ( giáo viên, nhân viên) đảm bảo chuẩn theo quy định.

**3. Đảng ủy, UBND**: Quan tâm đến diện tích nhà trường đảm bảo chuẩn theo quy định và việc chỉ đạo các ban ngành đoàn thể để quan tâm hơn đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

***Nơi nhận:***

**-**Phòng GDĐT (*để báo cáo*);

- Lưu: VT.